

Số: 468/2019/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng;

Ông Phạm Công Mười.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Khánh Toàn – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 90/2018/QĐST-HC ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã căn cứ vào Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 của Quốc Hội; khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144 của Luật tổ tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về “Khởi kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện X về việc thu hồi 40.000m² đất tại Đội 1, xã B (nay là ấp B1, xã T - Phía đông lộ 328), huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, không đền bù, hỗ trợ hoặc trả lại cho ông Hoàng T”, giữa:

- *Người khởi kiện:* ông Hoàng T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4B, xã T, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện X

Địa chỉ: Quốc lộ 55, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ: đường P1, phường P2, thành phố B3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Công ty Cổ phần Cao su T

Địa chỉ: đường 27/4, phường P2, thành phố B3, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Công ty Cổ phần nông nghiệp H

Địa chỉ: đường Ng, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại đơn kháng cáo ngày 12/11/2018, ông Hoàng T kháng cáo toàn bộ quyết

định sơ thẩm với lý do việc khởi kiện của ông T khi đã hết thời hiệu khởi kiện là do lỗi của cơ quan quản lý nhà nước nên thời gian quá thời hiệu không bị tính vào thời hiệu khởi kiện.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 20/4/1994, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định số 743/QĐ-UBT về việc giải quyết đơn khiếu nại của các hộ dân B4 xã B, huyện X (trong đó có hộ bà Phùng Thị B là mẹ ông Hoàng T) có nội dung: Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường công khai phá đất, hoa màu, nhà cửa của các hộ dân.

Không đồng ý với quyết định này, ông Nguyễn Văn G đại diện cho các hộ dân tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/12/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Công văn số 3929/UB-VP về việc trả lời lần cuối đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn G đại diện cho các hộ dân ấp B3, xã B, huyện X.

Ngày 08/12/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định 3166/QĐ-UB về việc giải quyết khiếu nại của 54 hộ dân với nội dung bác yêu cầu khiếu nại. Ông Nguyễn Văn G đại diện cho 54 hộ dân tiếp tục khiếu nại.

Ngày 01/7/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có Quyết định số 3403/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của 54 hộ dân, thuộc Đông lộ 328, xã B, huyện X với nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại. Không đồng ý, ông G đại diện cho 54 hộ dân tiếp tục khiếu nại.

Ngày 31/3/2004, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Văn bản số 932/BTNMT-TTr về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân, với nội dung: Vụ khiếu nại đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Thanh tra Nhà nước xem xét giải quyết và T với nội dung Quyết định số 3403/QĐ-UB ngày 01/7/1999 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Như vậy, nội dung khiếu nại của ông Hoàng T (do ông G đại diện) đã được các cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại bằng quyết định có hiệu lực pháp luật trước ngày 01/6/2006 nên đã hết quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 2 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 1998), cũng không thuộc trường hợp được hỏi tố theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 của Quốc Hội.

Đến ngày 09/02/2018, ông Hoàng T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, là không còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm a khoản 2 Điều 116 luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện ông Hoàng T thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm miễn án phí sơ thẩm cho ông Hoàng T là không đúng quy

định pháp luật.

Ông Hoàng T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng T. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 90/2018/QĐST-HC ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Về án phí:

Ông Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001799 ngày 22/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 006048 ngày 17/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Huỳnh Sáng

Phạm Công Mười

Trần Thị Thu Thủy